

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Y
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **271/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 29/6/2021.

V/v Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Y – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán, chủ tọa phiên tòa: Ông Tô Thanh Sang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lưu Ly.

2. Bà Vũ Thị Hiệp.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Hiên – Thư ký Tòa án nhân dân Quận Y, thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mai Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 29/6/2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 142/2021/TLST-HNGĐ ngày 02/4/2021, về việc: “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2021/QĐXXST-DS ngày 06/5/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2021/QĐST-HNGĐ ngày 03/6/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị D.T.A, sinh năm: 1978.

Địa chỉ: L.G, Phường I, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh

- Bị đơn: Anh L.T.M, sinh năm: 1977.

Địa chỉ: L.L.Q, Phường E, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: L.G, Phường I, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh

(Các đương sự đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Chị D.T.A trình bày:

Chị D.T.A và Anh L.T.M chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 158, quyền số: 01/2002 ngày 30/12/2002 do Ủy ban nhân dân

Phường I, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, trong quá trình chung sống xảy ra nhiều bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, do làm ăn thua lỗ nên vợ chồng có mượn tiền để làm ăn nhưng không trả nợ được. Đến năm 2013, Chị D.T.A đã bỏ nhà đi trốn nợ. Mỗi lần về thăm nhà, Anh L.T.M thường đe dọa đánh Chị D.T.A và yêu cầu ly hôn. Từ khi phát sinh mâu thuẫn, Anh L.T.M không có trách nhiệm nuôi con và cấp dưỡng nuôi con, Chị D.T.A phải gửi con cho anh chị ruột nuôi dưỡng. Trong thời gian bỏ nhà đi, Chị D.T.A vẫn gửi tiền về để nuôi dưỡng các con. Hiện nay vợ chồng đã ly thân từ 2013 đến nay.

Nay Chị D.T.A xác định không còn tình cảm với Anh L.T.M, nên Chị D.T.A yêu cầu được ly hôn với Anh L.T.M.

- Về con chung: Có 02 con chung, tên: L.H.V (nam), sinh ngày 05/6/2000 đã trưởng thành; L.T.P.T (nữ), sinh ngày 07/7/2010. Chị D.T.A yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con tên L.T.P.T, sinh ngày 07/7/2010, Chị D.T.A không yêu cầu cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, Chị D.T.A không còn ý kiến hay yêu cầu nào khác

Bị đơn Anh L.T.M trình bày tại bản tự khai ngày 28/4/2021 như sau:

Bị đơn không muốn ly hôn, nguyên đơn nghe lời người ta nói nên đã ép buộc bị đơn ly hôn, nguyên đơn đã nói không đúng sự thật, nói bị đơn sống cùng người khác, nếu như nguyên đơn muốn bị đơn ly hôn thì nguyên đơn phải hồi lại cho bị đơn một số vốn để làm ăn. Bị đơn đồng ý giao con cho nguyên đơn nuôi, nguyên đơn phải hồi cho bị đơn một số vốn là 15.000.000 đồng thì bị đơn sẽ chấp nhận ký vào giấy ly hôn.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh L.T.M không đồng ý ly hôn với Chị D.T.A.

- Về con chung: Có 02 con chung, tên: L.H.V (nam), sinh ngày 05/6/2000 đã trưởng thành; L.T.P.T (nữ), sinh ngày 07/7/2010.

Nếu trong trường hợp phải ly hôn, Anh L.T.M đồng ý giao con chung cho mẹ là Chị D.T.A trực tiếp nuôi dưỡng, vấn đề cấp dưỡng các bên tự thỏa thuận.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, Anh L.T.M không còn ý kiến hay yêu cầu nào khác.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn Chị D.T.A trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không đồng ý hỗ trợ số tiền 15.000.000 đồng theo yêu cầu của bị đơn vì hiện nay nguyên đơn cũng có cuộc sống rất khó khăn về kinh tế.

Bị đơn Anh L.T.M trình bày: Nếu nguyên đơn hỗ trợ số tiền 15.000.000 đồng thì

bị đơn đồng ý ly hôn, nếu nguyên đơn không hỗ trợ thì bị đơn không đồng ý ly hôn, bị đơn đồng ý giao con chung cho mẹ là Chị D.T.A trực tiếp nuôi dưỡng, vấn đề cấp dưỡng các bên tự thỏa thuận. Về tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Xác định đây là vụ án “ly hôn”, bị đơn đang cư trú tại Quận Y, TP.HCM, nên vụ án thuộc thẩm quyền xét xử sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận Y là đúng theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã tiến hành mở phiên tòa đưa vụ án ra xét xử đúng thời gian, địa chỉ đã được ghi trong quyết định đưa vụ án ra xét xử. Thủ tục khai mạc phiên tòa đúng quy định tại Điều 239 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đối với các đương sự: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 234 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Anh L.T.M và Chị D.T.A sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 158, quyển số: 01/2002 ngày 30/12/2002 do Ủy ban nhân dân Phường I, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh cấp nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, do các bên xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, đến năm 2013 nguyên đơn bỏ nhà đi, cả hai cũng ly thân từ thời gian đó.

- Về con chung: Có 02 con chung, tên: L.H.V (nam), sinh ngày 05/6/2000 đã trưởng thành; L.T.P.T (nữ), sinh ngày 07/7/2010. Chị D.T.A yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con tên L.T.P.T, sinh ngày 07/7/2010, Chị D.T.A không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị D.T.A trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bởi các lẽ trên;

Căn cứ Điều 19, Điều 56, Điều, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật

Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ Điều 28, 35, 203 Bộ luật tố tụng dân sự 2015

Đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Về án phí nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Xét đơn khởi kiện của Chị D.T.A, xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc: “Ly hôn”, Anh L.T.M đang cư trú tại địa chỉ L.G, Phường I, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh, căn cứ khoản 3, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; Điều 36; điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận Y là đúng theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Năm 1999 Chị D.T.A và Anh L.T.M tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 158, quyển số: 01/2002 ngày 30/12/2002 do Ủy ban nhân dân Phường I, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh cấp nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

- Về nguyên nhân dẫn đến việc ly hôn: Trong quá trình chung sống, do các bên xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, đến năm 2013 nguyên đơn bỏ nhà đi do trốn nợ.

Nguyên đơn trình bày mỗi lần về thăm nhà, Anh L.T.M thường đe dọa đánh Chị D.T.A và yêu cầu ly hôn. Từ khi phát sinh mâu thuẫn, Anh L.T.M không có trách nhiệm nuôi con và cấp dưỡng nuôi con, Chị D.T.A phải gửi con cho anh chị ruột nuôi dưỡng. Trong thời gian bỏ nhà đi, Chị D.T.A vẫn gửi tiền về để nuôi dưỡng các con. Hiện nay vợ chồng đã ly thân từ năm 2013 đến nay

Nay Chị D.T.A xác định không còn tình cảm với Anh L.T.M, nên Chị D.T.A yêu cầu được ly hôn với Anh L.T.M.

- Về con chung: Có 02 con chung, tên: L.H.V (nam), sinh ngày 05/6/2000 đã trưởng thành; L.T.P.T (nữ), sinh ngày 07/7/2010. Chị D.T.A yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con tên L.T.P.T, Chị D.T.A không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng.

Ngày 28/4/2021 Tòa án đã tiến hành ghi nhận nguyện vọng của cháu L.T.P.T, cháu có nguyện vọng là: “*được sống chung với mẹ*”.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét lời trình bày của bị đơn là nếu nguyên đơn hỗ trợ số tiền 15.000.000 đồng thì bị đơn đồng ý ly hôn, nếu nguyên đơn không hỗ trợ thì bị đơn không đồng ý ly hôn, nhưng bị đơn không cung cấp tài liệu hay chứng cứ gì để chứng minh cho yêu cầu của

mình. Hội đồng xét xử xét thấy lời trình bày trên là không đúng với quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, không có cơ sở pháp lý để hội đồng xét xử xem xét, nên lời trình bày trên của bị đơn là không có cơ sở chấp nhận.

Xét thấy vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, có nghĩa vụ sống chung với nhau trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác. Đối với quan hệ vợ chồng giữa chị và anh thì mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã gay gắt, trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài. Hai vợ chồng đã không còn chung sống với nhau từ năm 2013 cho đến nay, vì vậy yêu cầu được ly hôn của Chị D.T.A Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận.

[3]. Về án phí: Chị D.T.A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4, Điều 147; Điều 203; Điều 266; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 56, Điều 69, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Chị D.T.A:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị D.T.A được ly hôn với Anh L.T.M.

1.2. Về con chung: Giao con chung tên L.T.P.T, sinh ngày 07/7/2010 cho Chị D.T.A trực tiếp nuôi dưỡng, Chị D.T.A không yêu cầu Anh L.T.M cấp dưỡng.

Anh L.T.M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở anh thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con, yêu cầu

hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên hoặc hạn chế quyền thăm nom con sau khi ly hôn

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị D.T.A trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Giấy chứng nhận kết hôn số: 158, quyền số: 01/2002 ngày 30/12/2002 do Ủy ban nhân dân Phường I, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh cấp không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000(ba trăm ngàn) đồng Chị D.T.A phải chịu, được trừ vào tiền tạm ứng án phí Chị D.T.A đã nộp theo biên lai số: AA/2019/0038598 ngày 02/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự Quận Y. Chị D.T.A đã đóng đủ tiền án phí.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND Quận Y;
- Chi cục Thi hành án Quận Y;
- UBND P.I, Q.A;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tô Thanh Sang